

Số: 36/TB-THPT HB

Hạ Long, ngày 03 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v công khai thông tin theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch công khai của Trường THPT Hoàn Bồ năm học 2023–2024;

Trường THPT Hoàn Bồ thông báo công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT. Cụ thể:

1. Nội dung công khai: các biểu mẫu theo thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT:

1.1. Biểu mẫu số 09: Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông, năm học 2023–2024.

1.2. Biểu mẫu số 10: Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông, năm học 2023–2024.

1.3. Biểu mẫu số 11: Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông, năm học 2023–2024.

1.4. Biểu mẫu số 12: Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông, năm học 2023–2024.

2. Hình thức công khai:

- Niêm yết công khai tại Bảng tin của nhà trường (khu vực Văn phòng – tầng 1);
- Đăng công khai trên Website: <https://thpthoanhbo.edu.vn>;
- Được cập nhật, bổ sung định kỳ hằng năm theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- UBND phường Hoàn Bồ (phối hợp giám sát);
- Niêm yết công khai tại trường;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, Hành chính.



Nguyễn Thị Định

Biểu mẫu 09

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT HOÀNH BỒ****THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của Sở GD&ĐT, chuẩn vào lớp 10: + Nhóm 1: 5,75đ + Nhóm 2: 23đ	Theo quy định của Sở GD&ĐT Quảng Ninh	Theo quy định của Sở GD&ĐT Quảng Ninh
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành	Chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành	Chương trình GDPT 2006 do Bộ GD&ĐT ban hành
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Làm tốt công tác xã hội hóa, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình dưới nhiều hình thức. - Hợp Cha mẹ học sinh 03 lần/năm học - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, xác định đúng động cơ, mục đích học tập, có khả năng tự học tốt. - Học sinh có khả năng tự học, tự nghiên cứu tốt.	- Làm tốt công tác xã hội hóa, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình dưới nhiều hình thức. - Hợp Cha mẹ học sinh 03 lần/năm học - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, xác định đúng động cơ, mục đích học tập, có khả năng tự học tốt. - Học sinh có khả năng tự học, tự nghiên cứu tốt.	- Làm tốt công tác xã hội hóa, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình dưới nhiều hình thức. - Hợp Cha mẹ học sinh 03 lần/năm học - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, xác định đúng động cơ, mục đích học tập, có khả năng tự học tốt. - Học sinh có khả năng tự học, tự nghiên cứu tốt.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học	- Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể	- Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể	- Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	sinh ở cơ sở giáo dục	vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh; đa dạng hóa các hình thức trải nghiệm sáng tạo cho học sinh,...	vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh; đa dạng hóa các hình thức trải nghiệm sáng tạo cho học sinh,...	vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh; đa dạng hóa các hình thức trải nghiệm sáng tạo cho học sinh,...
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Xếp loại Học tập: Tốt: 5%; Khá: 36%; Đạt: 58%; Chưa đạt: 1% - Xếp loại Rèn luyện: Tốt Khá Đạt từ 100%, không có Chưa đạt - 100% học sinh biết sử dụng máy tính, biết ứng dụng CNTT để tự học hoặc tham gia học trực tuyến (nếu có).	- Xếp loại Học tập: Tốt: 6%; Khá: 35%; Đạt: 57%; Chưa đạt: 1% - Xếp loại Rèn luyện: Tốt Khá Đạt từ 100%, không có Chưa đạt - 100% học sinh biết sử dụng máy tính, biết ứng dụng CNTT để tự học hoặc tham gia học trực tuyến (nếu có).	- Học lực: HS giỏi toàn diện: 10 % trở lên, HS tiên tiến: 70 % trở lên; - Hạnh kiểm Khá, Tốt đạt 95% trở lên; Trung bình, yếu dưới 5%. - 100% học sinh biết sử dụng máy tính, biết ứng dụng CNTT để tự học hoặc tham gia học trực tuyến (nếu có).
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Lên lớp thẳng trên 98%	Lên lớp thẳng trên 98%	Tỉ lệ Tốt nghiệp THPT đạt 100% - Trên 60% học sinh Khối 12 đỗ vào các trường đại học, cao đẳng. Nhiều học sinh đủ khả năng đáp ứng nhu cầu hội nhập và tiếp tục học tập suốt đời. - Số còn lại tiếp tục học nghề, trung cấp, hoặc tham gia lao động có định hướng

Hoành Bồ, ngày tháng 6 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Định

Biểu mẫu 10

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT HOÀNH BỒ****THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông,
năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm (rèn luyện)	965	356	304	305
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	880	89,6%	89,8%	94,4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	74	8,2%	9,5%	5,3%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	10	2,0%	0,7%	0,3%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	01	0,3%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực (học tập)	965	356	304	305
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	178	8,2%	22,0%	26,9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	540	50,8%	59,9%	58,0%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	243	39,9%	18,1%	15,0%
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	04	1,1%	0%	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	655	98,87%	100%	100%
1.1	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	04	0,28%	0,98%	0%
1.2	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	178	16,29%	37,34%	46,06%
1.3	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	540	33,51%	33,7%	32,77%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	05	1,4 %	0%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi	1/3	0/2	1/1	0/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0%	0%	0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	05	1,12%	0,33%	0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, các cuộc thi, hội thi,...	Kết quả các Cuộc thi, Hội thi năm học 2023 - 2024			
1	Cấp tỉnh/thành phố	- Kết quả Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hoá: 28 giải: 02 giải Nhất; 07 giải Nhì, 09 giải Ba và 10 giải KK. - Hội thi Olympic Tiếng Anh dành cho học sinh, sinh viên năm 2023 cấp Tỉnh đạt 01 giải Nhất. - Thành tích tham gia các hoạt động TDTT, Hội khoẻ Phù Đổng cấp thành phố + Kết quả giải võ Vovinam cấp Tỉnh: Đạt 01 giải Khuyến khích.			

		+ Kết quả giải vô địch võ Pencak Silat-Taekwondo các nhóm tuổi cấp Tỉnh Quảng Ninh 2023: Đạt 01 HCD, 01 HCB. - Kết quả thi tại Hội khỏe Phù Đổng cấp TP Hạ Long năm học 2023 – 2024: + Môn Bóng bàn: 01 HCB (đơn nam). + Môn Bóng rổ: 01 HCD (đồng đội nam). + Môn Đẩy gậy: 8 HCV, 02 HCB, 07 HCD (đứng thứ Nhất toàn đoàn khối THPT về nội dung này). + Môn Võ cổ truyền: 02 HCV, 03 HCB, 04 HCD; môn võ Vovinam: 03 HCB, 03 HCD. - Thành tích Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh: môn Bóng bàn: 01 HCD; môn Đẩy gậy: 01 HCV, 01 HCD; Võ cổ truyền: 02 HCD.			
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	- Hội thi Olympic Tiếng Anh dành cho học sinh, sinh viên năm 2023 cấp Quốc gia đạt 01 giải Khuyến khích. Đứng Top 10 học sinh toàn quốc vượt qua vòng sơ khảo lọt vào vòng chung kết Olympic Tiếng Anh toàn quốc. Trong vòng chung kết toàn quốc Hội thi Olympic tiếng Anh học sinh, sinh viên lần thứ V, năm 2023 (tổ chức thi tại Hà Nội vào ngày 28/12/2023) em Hà Thanh Huyền đã xuất sắc đứng thứ 4 trong top 5 thí sinh xuất sắc nhất và đạt giải Khuyến khích của Hội thi.			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	303 (99,34%)			303
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp (dự kiến)	>95%			>95%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập	>60%			>60%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	457/505	166/187	144/160	147/158
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	90	43	21	26

Trường THPT Hoàn Bồ đã được công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 78/QĐ-SGDĐT và đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 79/QĐ-SGDĐT ngày 17/11/2022 của Sở GDĐT Quảng Ninh.

Hiện nay, Nhà trường đang duy trì, cập nhật hồ sơ kiểm định và chuẩn quốc gia theo kế hoạch giai đoạn 2023–2025.”

Hoàn Bồ, ngày tháng 6 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Định

Biểu mẫu 11

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/ 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT HOÀNH BÒ****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Số phòng học	25	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	25	1,56
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	8	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	30.369,7	34 m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	2,6m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng	4147,3	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2030	1,56m ² /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	740	2,06m ² /HS
3	Diện tích thư viện (m ²)	206	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	570	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	75	
6	Diện tích phòng truyền thống (m ²)	206	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số bộ/lớp	
1	Khối lớp 10	0	Còn thiếu
2	Khối lớp 11	0	Còn thiếu
3	Khối lớp 12	0	Còn thiếu
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	Còn thiếu
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	0,89hs/bộ/phòng
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	53	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	20	
5	Loa máy tính	18	
6	Cây nước nóng	3	
7	Tủ tài liệu	9	
8	Máy hút mùi phòng hóa	1	

Một số thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư 39/2021/TT-BGDĐT chưa được trang bị đầy đủ, hiện nhà trường đang khai thác tối đa các thiết bị sẵn có, tạm thời sử dụng luân phiên phục vụ giảng dạy.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	

STT	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4/4	0	8/8	0	0,28
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hoành Bồ, ngày tháng 6 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Định

Biểu mẫu 12

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/ 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT HOÀNH BỒ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47		11	34	1	1		32	10	1	40	3		
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	41		9	32				31	10		38	3		
1	Toán	8		3	5				6	2		7	1		
2	Vật lí	2		1	1				1	1		1	1		
3	KTCN	1			1					1		1			
4	KTNN	1			1				1			1			
5	Hóa học	3			3				2	1		2	1		
6	Sinh học	3		1	2				2	1		3			
7	Tin học	2			2				2			2			
8	Ngữ văn	7		1	6				6	1		7			
9	Lịch sử	2			2				2			2			
10	Địa lí	2		1	1				2			2			
11	GDCD	2			2				1	1		2			
12	QP-AN	0													
13	Thể dục	3			3				3			3			
14	Tiếng Anh	5		2	3				3	2		5			
II	Cán bộ quản lý	2		2					1		1	2			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1					1			1			
III	Nhân viên	4			2	1	1								
1	Nhân viên văn thư	1					1								

2	Nhân viên kế toán	1			1														
3	Thủ quỹ	0																	
4	Nhân viên y tế	1				1													
5	Nhân viên thư viện	1				1													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0																	
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0																	
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0																	
9	Nhân viên khác	4																	

Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn và chuyển đổi số được triển khai thường xuyên theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT; giai đoạn 2024–2026 tập trung nâng cao năng lực thực hiện chương trình GDPT 2018, kỹ năng sử dụng CNTT và kiểm định chất lượng giáo dục.

Hoành Bồ, ngày tháng 6 năm 2024

THỦ TƯỚNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Định